TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày: 16-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Thời;
2. Ông Dư Công Thử.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Mỹ Dung; Thư ký Toà án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2025, tại Hội trường thôn KC, xã K, huyện D. Tòa án nhân dân huyện D, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 85/2024/HSST ngày 25/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 02/01/2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Tou Prong Nai T**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1986; Nơi sinh: Lâm Đồng; Giới tính: Nữ; Hộ khẩu thường trú: Số 59, thôn K, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: K'ho; Tôn giáo: Tin lành; Học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Ya T (đã chết) và con bà Ka M (đã chết); Anh, chị, em ruột: Có 07 người, lớn sinh năm 1965, nhỏ sinh năm 1991. Bị can là con thứ 6 trong gia đình; Chồng: Kơ Jong Prong Đ, sinh năm 1973, hiện ở Số 59, thôn K, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; Con: Có 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện D từ ngày 02/7/2024 cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Tou Tiang Dam R**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 2003; Nơi sinh: Lâm Đồng; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: thôn K, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Chu ru; Tôn giáo: Tin lành; Học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Tou Prong T, sinh năm 1978

và con bà Tou Tiang Nai S, sinh năm 1977. Hiện cả hai ở thôn K, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; Anh, em ruột: Có 02 người, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2015. Bị can là con thứ 2 trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện D từ ngày 29/6/2024 cho đến nay. Có mặt.

3. Họ và tên: **Jơr Lơng Lê H**, Sinh năm: 2003; Nơi sinh: Lâm Đồng; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Hộ khẩu thường trú: thôn K, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Chu ru; Tôn giáo: Công giáo; Học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Lê Phúc D, sinh năm 1978 và con bà Ma S, sinh năm 1982. Hiện cả hai ở thôn K, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; Em ruột: Có 02 người, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2017. Bị can là con đầu trong gia đình; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện D từ ngày 29/6/2024 cho đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Tou Prong L11, sinh ngày 23/8/2008; địa chỉ: Số nhà 59, thôn K, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Tou Prong L1: ông Kơ Jong Prong Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà 59, thôn K, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Là bố của Tou Prong L1. Có mặt.

2. Bà Tou Prong Be Le Y, sinh năm 2004; Hộ khẩu thường trú: 69 Nguyễn Công Trứ, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ liên lạc: Số nhà 59, thôn K, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xử vắng mặt.

4. Ông Lê Phúc D, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn K, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Lưu Tuấn Thanh, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 6/2024, Tou Prong Nai T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, màu đen, BKS: 49F1- 443.45 đến địa bàn huyện Đức Trọng mua 01 gói ma tuý đá của một người đàn ông tên Quang (không rõ nhân thân, lại lịch) với giá 800.000đ về chia nhỏ ra bán để kiếm lời. Sau khi mua ma tuý đem về nhà thì T chia nhỏ gói ma tuý trên thành 04 tép nhỏ rồi cất giấu tại nhà để bán cho khách

kiếm lời. Trưa ngày 29/6/2024, Tou Prong Nai T đưa 01 bịch nilon màu đen, bên trong có 04 tép ma tuý cho con gái là Tou Prong L1, sinh ngày 23/8/2008 và nói với Tou Prong L1 nếu ai đến hỏi thì đưa cho người ta, mỗi tép bán với giá là 300.000đ, L1 biết rõ là ma tuý nhưng vẫn đồng ý bán giúp cho T. Sau khi đưa ma tuý cho L1 thì T điều khiển xe mô tô đi chợ. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì Nguyễn Xuân T1 đến nhà của Tou Prong Nai T ở số 59, thôn KC, xã K, huyện D gặp L1 để mua ma tuý, do không có tiền mặt nên T1 xin số tài khoản ngân hàng của T để chuyển khoản thì L1 nhắn tin cho T, lúc này T nhắn số tài khoản của T là 5405205181876, ngân hàng Agribank qua điện thoại của L1, sau đó L1 đưa số tài khoản cho T1 và T1 chuyển 300.000đ tiền mua ma tuý vào tài khoản ngân hàng của T, sau khi T1 chuyển khoản xong thì L1 đưa 01 tép ma tuý cho T1, sau đó T1 đi về nhà. Khoảng 14 giờ cùng ngày thì T đi về nhà nên L1 đưa lại 01 bịch nilon màu đen, bên trong có 03 tép ma tuý cho T cất giữ.

Khoảng 20 giờ ngày 29/6/2024, Jơ Lơng Lê H đến nhà của Tou Tiang Dam R ở thôn K, xã K chơi thì R rủ H góp tiền mua ma tuý đá về sử dụng (R góp 250.000đ, H góp 200.000đ) nên H đồng ý. Sau đó H điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo, BKS: 49F1- 12777 chở R đi đến nhà của Tou Prong Nai T ở số 59, thôn K, xã K để mua ma tuý. Khi đến nhà của T thì H dựng xe và đứng trước nhà của T chờ còn R đi bộ vào phía sau nhà của T để mua ma tuý, T dồn 02 tép ma tuý lại thành 01 tép lớn rồi bán cho R với giá 450.000đ, còn lại 01 tép ma tuý thì T cất giấu dưới viên gạch sát tường nhà của T. Sau khi mua ma tuý thì R cầm tép ma tuý đi ra đến gần vị trí của H đứng, do nghi ngờ có công an nên R vứt tép ma tuý xuống nền đất (ngay vị trí chân của R), lúc này Công an huyện D phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với R và H về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý.

Đến ngày 02/7/2024, Cơ quan công an bắt khẩn cấp đối với Tou Prong Nai T về hành vi mua bán trái phép chất ma tuý.

Tại Kết luận giám định số: 830/KL-KTHS ngày 05/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Lâm Đồng kết luận:

Mẫu tinh thể (M) đựng trong một gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,1660g, loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma tuý nằm trong danh mục IIC, STT 247, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của chính phủ.

Cáo trạng số 04/QĐ-VKSĐD ngày 24/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị can Tou Prong Nai T về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" quy định tại các điểm b, c, e khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị can Tou Tiang Dam R và Jơr Lơng Lê H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các bị cáo xác định bị cáo Nai T khi bán ma túy cho Dam R thì không biết Dam R cùng với Lê H chung tiền mua ma túy, lúc bán chỉ một mình Dam R vào mua, nên đại diện Viện kiểm sát rút phần truy tố tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tou Prong Nai T, các phần khác giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Tou Prong Nai T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý"; các bị cáo Tou Tiang Dam R và Jơ Lơng Lê H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tou Prong Nai T từ 09 đến 11 năm tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tou Tiang Dam R từ 15 đến 18 tháng tù; xử phạt bị cáo Jơ Lơng Lê H từ 12 đến 15 tháng tù. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bao gói vật chứng. Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 750.000đ tiền sử dụng mua ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu đỏ của Tou Prong Nai T; 01 điện thoại di động Samsung, màu xanh của Tou Prong L1; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen của Nguyễn Xuân T1; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Freego, màu đen, BKS: 49F1- 443.45 của Tou Prong Nai T;

Bị cáo Tou Prong Nai T không kH nại bản cáo trạng, khai nhận: Vào cuối tháng 6/2024, bị cáo Nai T có qua huyện Đức Trọng mua 01 gói ma tuý đá của một người đàn ông tên Quang (không rõ nhân thân, lại lịch) với giá 800.000đ về chia nhỏ thành 04 tép nhỏ rồi cất giấu tại nhà để bán cho khách kiếm lời. Trưa ngày 29/6/2024, bị cáo Nai T đưa 01 bịch nilon màu đen, bên trong có 04 tép ma tuý cho con gái là Tou Prong L1, sinh ngày 23/8/2008 và nói với Tou Prong L1 nếu ai đến hỏi thì đưa cho người ta, mỗi tép bán với giá là 300.000đ. Sau khi đưa ma tuý cho L1 thì T điều khiển xe mô tô đi chợ. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì có người đến mua ma túy, L1 nhắn tin cho T để T nhắn số tài khoản ở ngân hàng Agribank qua điện thoại của L1, sau đó Nguyễn Xuân T1 chuyển 300.000đ tiền mua ma tuý vào tài khoản ngân hàng của T, sau khi T1 chuyển khoản xong thì L1 đưa 01 tép ma tuý cho T1. Khoảng 14 giờ cùng ngày thì T đi về nhà nên L1 đưa lại 01 bịch nilon màu đen, bên trong có 03 tép ma tuý cho T cất giữ.

Khoảng 20 giờ ngày 29/6/2024, Tou Tiang Dam R ở thôn K, xã K vào nhà của T để mua ma tuý, T dồn 02 tép ma tuý lại thành 01 tép lớn rồi bán cho R với giá 450.000đ, còn lại 01 tép ma tuý thì T cất giấu dưới viên gạch sát tường nhà của T. Đến ngày 02/7/2024, bị cáo bị Cơ quan công an bắt tạm giam.

Các bị cáo Jơ Lơng Lê H, Tou Tiang Dam R khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 29/6/2024, H đến nhà của R chơi thì R rủ H góp tiền mua ma tuý đá về sử dụng (R góp 250.000đ, H góp 200.000đ), H đồng ý. Sau đó H điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo, BKS: 49F1- 12777 chở R đi đến nhà của Tou Prong Nai T ở thôn K, xã K, R vào nhà mua 01 tép với giá 450.000đ. Sau khi mua ma tuý thì R cầm

tép ma tuý đi ra đến gần vị trí của H đứng. Do nghi ngờ có công an nên R vứt tép ma tuý xuống nền đất (ngay vị trí chân của R), lúc này Công an huyện D phát hiện và lập biên bản phạm tội quả tang đối với R và H.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại giai đoạn điều tra, lời khai người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 29/6/2024, tại số nhà 59, thôn KC, xã K, huyện D, Tou Tiang Dam R và Jơ Lơng Lê H đã có hành vi tàng trữ 0,1660g ma tuý, loại Methamphetamine; Tou Prong Nai T đã có hành vi bán 0,1660g ma tuý, loại Methamphetamine cho Tou Tiang Dam R. Ngoài ra, T nhờ Tou Prong L1 (là con gái của T dưới 16 tuổi) bán 01 gói ma tuý, loại Methamphetamine cho Nguyễn Xuân T1 là vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa, xác định bị cáo Nai T khi bán ma túy cho Tou Tiang Dam R thì không biết R và H góp tiền cùng mua ma túy về sử dụng, khi mua chỉ có một mình R vào nhà Nai T để mua, nên không có căn cứ Nai T bán ma túy một lúc cho hai người. Việc đại diện Viện kiểm sát rút một phần truy tố tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tou Prong Nai T là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Hành vi hai lần bán ma tuý cho người khác, sử dụng người dưới 16 tuổi bán ma tuý nêu trên của Tou Prong Nai T đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" quy định tại các điểm b, e khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý với khối lượng 0,1660g ma tuý, loại Methamphetamine nêu trên của Tou Tiang Dam R và Jơ Lơng Lê H đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của nhà nước về ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, thấy được tác hại của ma túy ảnh hưởng đến sức khỏe và cũng là nguyên nhân gây ra các bất ổn xã hội khác nhưng vì nhu cầu cá nhân nên bị cáo T mua về bán lại kiếm lời, các bị cáo R, H mua về tàng trữ để sử dụng.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Bị cáo Tou Prong Nai T mua ma túy về bán lại nhằm mục đích kiếm lời, thực tế đã hai lần bán ma tuý cho người khác, sử dụng người dưới 16 tuổi bán ma tuý, bị cáo bị áp dụng 02 tình tiết định khung nên cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc. Các bị cáo Tou Tiang Dam R và Jơr Lơng Lê H là người nghiện ma túy, không tự cai nghiện mà tiếp tục mua về để sử dụng. Bị cáo R là người khởi xướng và người góp tiền nhiều hơn H, là người trực tiếp giao dịch mua ma túy, nên xử phạt R mức án cao hơn H. Tình hình sử dụng ma túy ở địa phương hiện nay gia tăng, gây bất ổn xã hội. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Đối với hành vi của Tou Prong L1 bán ma tuý cho Nguyễn Xuân T1, do Tou Prong L1 chỉ bán ma tuý 01 lần và tại thời điểm phạm tội Tou Prong L1 chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi của Nguyễn Xuân T1 mua ma tuý về sử dụng, do T1 đã sử dụng hết ma tuý, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính T1 về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý là phù hợp.

Đối với hành vi của Lưu Tuấn Thanh chở Nguyễn Xuân T1 đi mua ma tuý tại nhà của Tou Prong Nai T, do Thanh không biết T1 đi mua ma tuý nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Đối với ông Lê Phúc D là chủ sỡ hữu xe mô tô hiệu Nouvo, BKS: 49F1-12777, do ông Duy không biết Jơr Lơng Lê H sử dụng xe mô tô đi mua ma tuý nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

[7] Về vật chứng:

- Đối với 0,1660g ma tuý, loại Methamphetamine đã sử dụng hết cho công tác giám định nên không đề cập đến.

- Đối với 01 bao gói vật chứng được hoàn lại sau giám định được niêm phong, xét thấy không có giá trị nên tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 5.662.000đ mà cơ quan công an thu giữ của Tou Prong Be Le Y (con gái của bị can T), quá trình điều tra xác định trong tổng số tiền trên có 450.000đ là tiền của bị can R và H mua ma tuý đưa cho T nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. Số tiền còn lại 4.912.000đ là tiền của Tou prong Be Le Yong gửi cho bị can T cất giữ và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị can T nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Tou prong Be Le Yong là thoả đáng.

- Đối với số tiền 300.000đ mà bị can T tự nguyện nộp lại cho Cơ quan điều tra (là tiền Nguyễn Xuân T1 mua ma tuý của T và chuyển khoản vào tài khoản của T), đây là tiền bán ma tuý mà có nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu đỏ tạm giữ của Tou Prong Nai T, 01 điện thoại di động Samsung, màu xanh tạm giữ của Tou Prong L1, 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen tạm giữ của Nguyễn Xuân T1. Quá trình điều tra xác định các điện thoại trên là phương tiện dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Freego, màu đen, BKS: 49F1-443.45, quá trình điều tra xác định xe mô tô trên là của bị can Tou Prong Nai T sử dụng để đi mua ma túy về bán kiếm lời, đây là phương tiện dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) USB màu trắng nhãn hiệu Kioxia, loại 32GB bên trong có các đoạn video ghi lại diễn biến hành vi phạm tội của các bị can, Cơ quan CSĐT đã chuyển theo hồ sơ vụ án nên lưu vào hồ sơ.

- Đối với 01 (một) xe mô tô Nouvo, BKS: 49F1- 12777, quá trình điều tra xác định xe mô tô trên thuộc quyền sỡ hữu của ông Lê Phúc D (là bố của Jơr Lơng Lê H); ông Duy không biết Jơr Lơng Lê H sử dụng xe mô tô trên để đi mua ma tuý nên Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô cho ông Duy là đúng.

- Đối với số tiền 640.000đ (sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) mà Cơ quan công an thu giữ của Tou Tiang Dam R (trong đó có 140.000đ là tiền của bị can R, 500.000đ là tiền của bị can H). Quá trình điều tra xác định số tiền trên không liên quan đến hành vi phạm tội của R và H nên Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho Tou Tiang Dam R và Jơr Lơng Lê H.

- Đối với 01 tép ma tuý mà Tou Prong Nai T khai nhận đã cất giấu dưới viên gạch cạnh hàng rào tường nhà của T, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã đưa Tou Prong Nai T đến vị trí cất giấu ma tuý và tiến hành tìm kiếm nhưng không tìm thấy nên không đề cập đến.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Tou Prong Nai T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý"; các bị cáo Tou Tiang Dam R và Jơr Lơng Lê H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tou Prong Nai T 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 02/7/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tou Tiang Dam R 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 29/6/2024.

Xử phạt bị cáo Jơr Lơng Lê H 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 29/6/2024.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bao gói vật chứng được hoàn lại sau giám định được niêm phong;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu đỏ của Tou Prong Nai T; 01 điện thoại di động Samsung, màu xanh của Tou Prong L1; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen của Nguyễn Xuân T1; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Freego, màu đen, BKS: 49F1- 443.45 của Tou Prong Nai T;

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền mua bán ma túy là 750.000đ. Theo Biên lai thu số 0000780 ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Tou Prong Nai T, Tou Tiang Dam R và Jơr Lơng Lê H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Ông Nguyễn Xuân T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện D;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an huyện D;
- Thi hành án HS, DS huyện D;
- Bị cáo;
- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, AV;

Phan Minh Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thời **Dư Công Thử** **Phan Minh Dũng**